

Số: 1030 /QĐ-CTUBND

Hưng Yên, ngày 14 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường dự án Cụm công nghiệp Lạc Đạo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng cụm công nghiệp Văn Lâm số 125/CV-VL ngày 28/8/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 241/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Cụm công nghiệp Lạc Đạo” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng cụm công nghiệp Văn Lâm (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Như Quỳnh, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm (nay là xã Như Quỳnh, xã Lạc Đạo, tỉnh Hưng Yên) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01

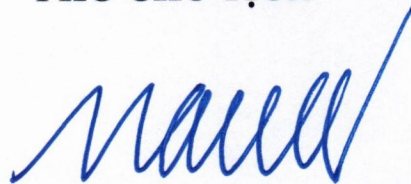
năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Môi trường thuộc Bộ NNMT;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã: Lạc Đạo, Như Quỳnh;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{TR}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hùng Nam

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

của dự án Cụm công nghiệp Lạc Đạo

(Kèm theo Quyết định số 103Đ /QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cụm công nghiệp Lạc Đạo.
- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Như Quỳnh, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm (nay là xã Như Quỳnh, xã Lạc Đạo), tỉnh Hưng Yên.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng cụm công nghiệp Văn Lâm.

1.2. Phạm vi, quy mô Dự án

- Diện tích đất thực hiện dự án 424.682 m² thuộc địa bàn thị trấn Như Quỳnh, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm (nay là xã Như Quỳnh, xã Lạc Đạo), tỉnh Hưng Yên.
- Ngành nghề hoạt động chủ yếu của Cụm công nghiệp: Công nghiệp nhẹ, công nghiệp đa ngành, các dự án không gây ô nhiễm môi trường. Chi tiết mã ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ):

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm (Không bao gồm hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm, sản xuất đường)	C10
2	Sản xuất đồ uống (không thu hút dự án sản xuất nước giải khát có gas quy mô lớn)	C110
3	Sản xuất trang phục (không có công đoạn thuộc da)	C14
4	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	C1512
5	Sản xuất giày, dép	C1520
6	Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	C17021
7	In ấn và dịch vụ liên quan đến in	C181
8	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Không bao gồm chế biến mủ cao su)	C2013
9	Sản xuất mỹ phẩm (có quy trình sản xuất thông minh, tự động hoá)	C20231
10	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (có quy trình sản xuất thông minh, tự động hoá)	C2100
11	Sản xuất sản phẩm từ plastic	C2220
12	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	C2391

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)
13	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	C2395
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi (không có công đoạn mạ)	C251
15	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại (không có công đoạn mạ)	C259
16	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (không có công đoạn mạ)	C26
17	Sản xuất thiết bị điện (không có công đoạn mạ)	C27
18	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	C2813
19	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	C2817
20	Sản xuất máy chuyên dụng (không có công đoạn mạ)	C282
21	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải chưa được phân vào đâu	C309
22	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C3100
23	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác, gồm:	C32
-	Sản xuất nhạc cụ	C3220
-	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C3230
-	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	C3240
-	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	C3250
24	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị (không có công đoạn mạ)	C33
25	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	C5210
26	Logistics	C52292
27	Bán buôn đồ dùng gia đình	G464
28	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	G465
29	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	G4663
30	Bán buôn tổng hợp	G4690
31	Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	G471
32	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc trong các cửa hàng chuyên doanh	G474
33	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc trong các cửa hàng chuyên doanh	G4752
34	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	G4759
35	Dịch vụ ăn uống	I56
36	Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình; cho	N77

TT	Các ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành (theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)
	thuê tài sản vô hình phi tài chính	

- Phạm vi báo cáo đánh giá tác động này không bao gồm hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu phục vụ san nền, thi công hạ tầng Cụm công nghiệp.

1.3. Cơ cấu sử dụng đất

Thực hiện theo Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Lạc Đạo. Cơ cấu sử dụng đất của Cụm công nghiệp cụ thể như sau:

TT	Chức năng lô đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ chiếm đất (%)	Mật độ XD tối đa (%)	Chiều cao XD tối đa (m)
1	Đất điều hành + dịch vụ	ĐH-DV	17.100	4,03	50	25
2	Đất sản xuất công nghiệp	CN	271.106	63,84	70	25
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	8.787	2,07	60	10
4	Đất cây xanh	CX	43.065	10,14	-	-
5	Đất giao thông		84.624	19,92	-	-
	Tổng		424.682	100,00		

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về đất đai với diện tích 289.717,6 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước thải xây dựng; bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện thi công; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân viên Ban quản lý dự án và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Cụm công nghiệp; nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động sản xuất của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Cụm công nghiệp.

+ Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí: Mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn; bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện ra vào Cụm công nghiệp.

+ Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 8,2 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, coliform.
 - + Nước thải xây dựng từ quá trình rửa máy móc, thiết bị thi công và phun rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường phát sinh khoảng 6,85 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.
- Giai đoạn vận hành: Ước tính tổng lượng nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Cụm công nghiệp 975 m³/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, độ màu, BOD₅, COD, TSS, các kim loại nặng, tổng dầu mỡ khoáng.

3.1.2. Bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động, giải phóng mặt bằng, thi công san nền, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
 - + Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.
- Giai đoạn vận hành:
 - + Mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn với các thành phần chủ yếu là NH₃, CH₄, H₂S, mercaptane ...
 - + Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 0,091 tấn/ngày, gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm...
 - + Chất thải rắn thông thường gồm: Phát sinh khoảng 5.708.000 kg trong quá trình thi công xây dựng, gồm: đất cát, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, bao bì đựng nguyên vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép.
- Khối lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa khoảng 57.943,52 m³; khối lượng bùn đất nạo vét ao, mương, đất bóc bờ ruộng khoảng 8.749,9 m³.
- Khối lượng chất thải rắn từ quá trình di dời mộ phát sinh khoảng 7.500 kg.
- Khối lượng chất thải rắn từ quá trình phát quang thực vật phát sinh khoảng 73.120 kg.
- Chất thải tồn đọng trong khu vực dự án khoảng 5.552 m³.

+ Chất thải nguy hại: Khối lượng khoảng 987,3 kg/năm, gồm: Găng tay, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; dầu thải mỡ động cơ thải; đầu mẫu que hàn; bao bì cứng (thùng chứa dầu mỡ, vỏ hộp sơn, dụng cụ quét sơn).

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên Ban quản lý Cụm công nghiệp khoảng 25 kg/ngày (tương đương 08 tấn/năm); gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như: nilon, giấy, hộp cơm...

+ Chất thải rắn thông thường: Phát sinh từ hoạt động khu điều hành dịch vụ, trạm xử lý nước thải và hạ tầng Cụm công nghiệp khoảng 1.200 kg/năm. Thành phần chủ yếu: giấy loại, bì mỏng, thùng carton; chai lọ, nhựa, thủy tinh,...

Ngoài ra còn phát sinh chất thải từ quá trình vệ sinh, tạo cảnh quan, bùn từ hệ thống thoát nước mưa; ước tính phát sinh khoảng 68 m³.

+ Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát: Phát sinh từ hoạt động quản lý, điều hành Cụm công nghiệp khoảng 32.555,8 kg/năm, gồm: Bao bì mềm thải; bao bì nhựa cứng thải; giẻ lau dính dầu; bùn thải từ trạm xử lý nước thải.

+ Chất thải nguy hại: Phát sinh từ hoạt động quản lý, điều hành Cụm công nghiệp khoảng 293 kg/năm, gồm: Đèn, thiết bị điện thải; pin thải; ắc quy chì thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu nước.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn hoạt động: Phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp; hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Các tác động khác

Trong quá trình hoạt động của Dự án có thể xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố liên quan đến công trình xử lý nước thải tác động đến môi trường.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom, xử lý nước thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 05 nhà vệ sinh di động có dung tích 1.000 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Nước thải thi công, vệ sinh máy móc, thiết bị được thu gom về hố ga lắng cạn (có lớp vật liệu thấm dầu) tại các công trường thi công có dung tích 0,5 m³/01 hố lắng đảm bảo vệ sinh môi trường, tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

Mỗi công trường bố trí cầu rửa xe, thu gom nước thải từ quá trình rửa xe về hố lắng có thể tích $5,5 \text{ m}^3$ đảm bảo vệ sinh môi trường, tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải của dự án như sau:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của Ban quản lý và các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Cụm công nghiệp: Nước thải nhà bếp sau khi qua bể tách dầu mỡ và nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh được thu gom, xử lý qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

+ Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong Cụm công nghiệp có phát sinh nước thải sản xuất: Được thu gom, xử lý sơ bộ đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (lắp đặt thiết bị theo giai đoạn: giai đoạn 1: $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; giai đoạn 2: $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$) đảm bảo đạt QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{hy}=0,85$) trước khi thải ra môi trường, quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ trạm bơm $\rightarrow$ bể tách dầu $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể keo tụ $\rightarrow$ bể tạo bông $\rightarrow$ bể lắng hóa lý $\rightarrow$ bể trung hòa $\rightarrow$ bể selector và SBR A/B $\rightarrow$ bể khử trùng $\rightarrow$ mương quan trắc online $\rightarrow$ nước thải đảm bảo đạt QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{hy}=0,85$) thải ra kênh tiêu Ngô Xuyên hoàn trả thuộc địa bàn xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên. Toạ độ điểm xả nước thải (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2322638,04; Y(m): 551523,29.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ đạt QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{hy}=0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp thải ra kênh tiêu Ngô Xuyên hoàn trả thuộc địa bàn xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:

+ Không sử dụng các loại xe, máy không đủ tiêu chuẩn lưu hành, thi công trong Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tu sửa máy móc công trình và phương tiện vận tải.

+ Phủ bạt kín các xe chở vật liệu xây dựng để tránh phát tán bụi.

+ Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ cao điểm.

+ Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công.

+ Thường xuyên tưới ẩm, phun nước các đoạn đường xung quanh Dự án để hạn chế bụi.

- + Lắp đặt tấm chắn cao 2 m để hạn chế bụi phát sinh ra khu vực xung quanh.
- + Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động.
- Giai đoạn vận hành:
 - + Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải tập trung; các yêu cầu vận hành và giám sát trạm xử lý nước thải tập trung.
 - + Trồng cây xanh xung quanh hệ thống xử lý nước thải có bề rộng tối thiểu là 10 m, đảm bảo đạt QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
 - + Đảm bảo diện tích cây xanh và mặt nước trong Cụm công nghiệp theo đúng quy định hiện hành.
 - + Các dự án thứ cấp phải có hồ sơ môi trường theo quy định và phải xử lý bụi, khí thải đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:
 - + Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng môi trường không khí, đảm bảo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05:2023/BTNMT.
 - + Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, các Quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án; không phát thải khí thải có mùi khó chịu vào môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng:
 - + Chất thải sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa có dung tích 240 lít trên mỗi công trường để lưu giữ tạm thời; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.
 - + Chất thải xây dựng: Được thu gom về khu vực bãi chứa tạm thời; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Đối với lượng đất bóc hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa; bùn đất nạo vét ao, mương, đất bóc bờ ruộng được tận dụng để đắp, trồng cây xanh tại dự án; không vận chuyển ra ngoài dự án.
- Đối với chất thải rắn từ quá trình phát quang thực vật, chất thải tồn đọng trong khu vực dự án được thu gom, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- + Chất thải nguy hại: Bố trí các thùng chứa chuyên dụng để lưu giữ tạm thời; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Giai đoạn vận hành: Bố trí phương tiện, thiết bị lưu giữ tạm thời các loại chất thải rắn phát sinh; 01 kho lưu giữ tạm thời chất thải rắn công nghiệp

thường có diện tích 16,5 m²; 01 khu ép bùn và chứa bùn thải từ trạm xử lý chất thải tập trung của cụm công nghiệp có diện tích 30,9 m²; 01 kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại để lưu chứa tạm thời, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phân loại rác thải sinh hoạt; Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu theo giờ, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm.

+ Các máy móc tham gia thi công sẽ được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo hoạt động tốt, tiếng ồn tạo ra không vượt quá giới hạn cho phép.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh đến môi trường xung quanh.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án.

4.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng hoạt động của máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải; có những bộ phận, thiết bị dự trữ trong kho để thay thế khi cần thiết. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

+ Xây dựng 01 bể sự cố nước thải với thể tích 1.000 m³ lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố; sau khi khắc phục xong, nước thải được bơm trở lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý đạt quy

chuẩn trước khi thải ra môi trường. Bể sự cố được thiết kế đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường.

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (các thông số lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni); lắp đặt camera giám sát, thiết bị lấy mẫu tự động và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

+ Trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt Quy chuẩn, thời gian xử lý sự cố dài vượt quá khả năng lưu chứa của bể sự cố, Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng cụm công nghiệp Văn Lâm sẽ thông báo cho các dự án đầu tư thứ cấp hoạt động trong Cụm công nghiệp để ngừng đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp; yêu cầu các đơn vị thứ cấp có trách nhiệm lưu chứa nước thải tại đơn vị hoặc ngừng sản xuất, đảm bảo không làm phát sinh nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường; khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố và có thông báo tới các đơn vị thứ cấp được biết khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp đã được khắc phục, sửa chữa xong.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng hệ thống đường ống cấp, thoát nước nhằm phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ, nứt vỡ để khắc phục ngay.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

* *Giám sát không khí xung quanh:*

- Số vị trí: 02 điểm.

- Vị trí giám sát:

+ Tại vị trí ngoài ranh giới xã Lạc Đạo;

+ Tại vị trí ngoài ranh giới xã Như Quỳnh.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

* *Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất: Thường xuyên, định kỳ tổng hợp báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Tuân thủ quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm

2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.3. Giai đoạn vận hành chính thức

** Giám sát nước thải:*

- Giám sát định kỳ:

+ Vị trí giám sát:

NT01: Mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m³/ngày đêm với các thông số: nhiệt độ, màu, pH, BOD₅, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng xianua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, amoni (tính theo N), tổng Nitơ, tổng Photpho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Coliform.

NT02: Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m³/ngày đêm với các thông số: màu, BOD₅, As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng xianua, tổng phenol, tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, florua, tổng Nitơ, tổng Photpho (tính theo P), Clorua, Clo dư, Coliform.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$, $K_{hy}=0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp.

- Giám sát tự động, liên tục:

+ Thông số giám sát tự động, liên tục: Lưu lượng nước thải (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, TSS, COD, pH, amoni.

+ Quy chuẩn so sánh: QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$, $K_f=1,1$, $K_{hy}=0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp.

** Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất: Thường xuyên, định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường Cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển Cụm công nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề quy định tại mục 1.2, Phụ lục ban hành kèm theo Báo cáo này và phù hợp với các văn bản đồng ý về chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền và sau khi đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án. Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu ngập úng do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án. Việc xả nước thải sau xử lý Dự án vào công trình thủy lợi phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung và năng lực tiêu thoát nước chung của công trình thủy lợi.

- Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của Cụm công nghiệp để xử lý đạt QCDP 02:2019/HY ($K_q=0,9$, $K_f=1,0$, $K_{hy}=0,85$) - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Lắp đặt, vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng; truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Xây dựng, vận hành bể sự cố nước thải có khả năng quay vòng xử lý lại nước thải, đảm bảo không xả nước thải vượt quy chuẩn ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư thứ cấp khi đăng ký đầu tư vào Cụm công nghiệp; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh, diện tích cây xanh cách ly theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Thực hiện việc cấp giấy phép môi trường, vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
 - Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
 - Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.
-